

## 🔗 COLLECTIVE NOUNS – DANH TỪ TẬP HỢP

MS Tanny- Luyện thi Duolingo/PTE/Ielts cấp tốc-0977.818.243

| Collective Noun | Nghĩa                         | Chia động từ                 | Ví dụ minh họa  |
|-----------------|-------------------------------|------------------------------|---|
| family          | gia đình                      | is / are                     | My family is big. / My family are all teachers.                         |
| team            | đội nhóm                      | is / are                     | The team is winning. / The team are arguing.                            |
| class           | lớp học                       | is / are                     | My class is very noisy today.   |
| staff           | nhân viên (tập thể)           | is / are                     | The staff are working late tonight.                                     |
| committee       | ủy ban                        | is / are                     | The committee has made a decision.                                      |
| government      | chính phủ                     | is / are                     | The government is planning new policies.                                |
| audience        | khán giả                      | is / are                     | The audience was silent.  |
| crowd           | đám đông                      | is / are                     | The crowd is cheering loudly.   |
| crew            | thủy thủ đoàn / phi hành đoàn | is / are                     | The crew is preparing for takeoff.                                      |
| jury            | bồi thẩm đoàn                 | is / are                     | The jury has reached a verdict.   |
| band            | ban nhạc                      | is / are                     | The band is playing my favorite song.                                   |
| police          | cảnh sát                      | are ( <i>luôn số nhiều</i> ) | The police are investigating the case.                                  |
| public          | công chúng                    | is / are                     | The public is concerned about the issue.                                |
| company         | công ty                       | is / are                     | The company is hiring new staff.  |
| army            | quân đội                      | is / are                     | The army is protecting the border.                                      |
| group           | nhóm                          | is / are                     | The group are discussing their ideas.                                   |
| couple          | cặp đôi                       | is / are                     | The couple is happy together. / The couple are traveling separately.    |
| school          | trường học / đàn cá           | is / are                     | The school is organizing an event. / A school of fish is swimming fast. |
| herd            | bầy (trâu, bò, voi...)        | is                           | A herd of elephants is moving slowly.                                   |
| flock           | đàn (chim, cừu...)            | is                           | A flock of birds is flying south.                                       |
| pack            | bầy (chó sói, chó săn)        | is                           | A pack of wolves is hunting.  |

### 💡 Ghi nhớ nhanh:

| Mẫu câu           | Dùng khi                                       |
|-------------------|--|
| noun + is / has   | Khi nói về nhóm như <b>một khối thống nhất</b> |
| noun + are / have | Khi nói về <b>từng thành viên trong nhóm</b>   |
| police + are      | Luôn chia <b>số nhiều</b>                      |